



Chartered Accountants
& Business Advisers



Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam PKF Vietnam Auditing Co.,Ltd

Head office:

No.45, Lot 6 Trung Yen 14 Street | Trung Yen New Urban Area | Cau Giay District | Hanoi | Vietnam
Tel: (84-4) 3783 3911/12/13 | Fax: (84-4) 3783 3914 | Email: hn@pkf.com.vn | Website: www.pkf.com.vn

Hai Phong branch

245 Bach Dang | Thuong Ly | Hong Bang district | Hai Phong City | Vietnam
Tel: (84-31) 3539 666 | Fax: (84-31) 3539 789 | Email: hp@pkf.com.vn

Da Nang branch

No.10, Hai Phong Street | Hai Chau District | Da Nang City | Vietnam
Tel: (84-511) 3531 399 | Fax: (84-511) 3531 399 | Email: dn@pkf.com.vn

Ho Chi Minh branch

232 Nguyen Tat Thanh | Ward 13 | District 4 | Ho Chi Minh City | Vietnam
Tel: (84-8) 5449 1476/77 | Fax: (84-8) 5449 1475 | Email: hcm@pkf.com.vn

PKF Vietnam Auditing Co., Ltd is a member firm of the PKF International Limited network of legally independent firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions on the part of any other individual member firm or firms.

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN VÀ TM THUẬN PHƯỚC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung:

Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty thủy sản và thương mại Thuận Phước, chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3203001489 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 29/06/2007 và thay đổi lần thứ 1 ngày 07/05/2008.

Công ty có trụ sở chính tại: Khu CNDV thủy sản Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh, nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép



2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ
Ông Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Trương Nguyên	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên HĐQT
Ông Võ Hồng Sơn	Thành viên HĐQT

3. Sự kiện phát sinh sau niên độ:

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

4. Kiểm toán viên:

Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam (PKF) - Chi nhánh Đà Nẵng đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010 của Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Khu CNDV thủy sản Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng

5. Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cũng nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng và sự khác biệt trọng yếu nếu có được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Thay mặt và đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN VĂN LĨNH



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Khu CNDV Thủy sản Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		259.071.067.949	148.961.189.517
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		83.689.909.854	16.703.509.779
1. Tiền	111	V.01	83.689.909.854	16.703.509.779
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	952.086.100	8.541.539.100
1. Đầu tư ngắn hạn	121		952.086.100	8.541.539.100
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.493.080.382	60.547.460.410
1. Phải thu khách hàng	131		68.722.525.404	54.476.051.066
2. Trả trước cho người bán	132		6.456.849.406	3.570.374.570
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	370.252.218	2.504.694.774
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(56.546.646)	(3.660.000)
IV. Hàng tồn kho	140		95.205.949.761	60.374.829.022
1. Hàng tồn kho	141	V.04	96.307.630.684	61.579.829.022
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.101.680.923)	(1.205.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.730.041.852	2.793.851.206
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61.993.536	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.282.020.078	2.257.705.987
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		386.028.238	536.145.219
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.809.876.069	99.156.424.855
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		100.685.212.154	96.974.137.676
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	99.451.884.479	80.452.056.765
- Nguyên giá	222		133.779.098.541	104.346.968.520
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(34.327.214.062)	(23.894.911.755)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	11.469.075
- Nguyên giá	228		30.584.200	30.584.200
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(30.584.200)	(19.115.125)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.233.327.675	16.510.611.836
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	3.140.000.000	200.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		200.000.000	200.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.940.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.984.663.915	1.982.287.179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.984.663.915	1.982.287.179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		364.880.944.018	248.117.614.372

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Khu CNDV Thủy sản Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Tiếp theo)				
Đơn vị tính: VND				
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		275.939.718.327	180.676.926.685
I. Nợ ngắn hạn	310		237.748.631.455	132.375.803.158
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	182.846.462.998	76.027.525.015
2. Phải trả người bán	312		10.979.988.216	5.703.647.047
3. Người mua trả tiền trước	313		675.993.350	17.825.939
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.734.772.475	4.136.451.485
5. Phải trả người lao động	315		19.543.460.754	10.303.863.700
6. Chi phí phải trả	316	V.17	4.348.227.496	1.797.864.878
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	12.524.364.106	30.517.332.058
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3.095.362.060	3.871.293.036
II. Nợ dài hạn	330		38.191.086.872	48.301.123.527
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	37.484.393.362	47.939.306.698
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		706.693.510	361.816.829
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		88.941.225.691	67.440.687.687
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	88.941.225.691	67.440.687.687
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		72.039.950.000	54.663.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.091.785.820	1.091.785.820
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		15.274.454.175	4.249.796.467
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(4.234.000)	(4.234.000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.686.540.479)	(773.980.150)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	6.634.153.254
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.225.810.175	1.580.166.296
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		364.880.944.018	248.117.614.372

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Ngoại tệ các loại				
USD			984.124,39	706.226,65
JPY			30.188,00	31.640,00

Kế toán trưởng

Thục

Võ Thị Hà



Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc

TRẦN VĂN LINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.000.176.556.165	638.182.202.759
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12.046.541.446	11.992.929.714
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		988.130.014.719	626.189.273.045
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	897.718.184.211	545.037.434.518
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.411.830.508	81.151.838.527
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	20.964.118.285	7.582.092.131
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	21.482.625.623	11.721.279.750
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.313.127.723	10.333.408.493
8. Chi phí bán hàng	24		42.952.359.056	30.390.130.435
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.781.259.981	13.863.261.921
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.159.704.133	32.759.258.552
11. Thu nhập khác	31		89.727.273	789.513.130
12. Chi phí khác	32		31.249.998	563.518.346
13. Lợi nhuận khác	40		58.477.275	225.994.784
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.218.181.408	32.985.253.336
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	7.804.545.352	8.246.313.334
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.413.636.056	24.738.940.002
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.250	4.526



Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Thủy

Võ Thị Hà

Tổng Giám đốc



TRẦN VĂN LINH